

Số: /GPMT-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong số 1806/CV-ĐP ngày 18 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong, địa chỉ tại Km 42+500, quốc lộ 18, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh,

tỉnh Hải Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 0800444043, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/4/2019; Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Bắc đồi Ông Sao, phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.4. Mã số thuế: 0800444043.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Diện tích sử dụng: 99.232 m² (trong đó diện tích khai thác khoáng sản 94.680 m²; diện tích hồ thu nước, lán tạm điều hành, đường vận chuyển nằm ngoài ranh giới khai trường khai thác là 4.552 m²).

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công): Nhóm C.

- Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: 550.000 m³/năm.

- Quy trình công nghệ khai thác được xem xét cấp phép tại giấy phép môi trường này:

Bóc lớp đất mặt chứa rễ cây, mùn thực vật → Khai thác khoáng sản → Vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: kể từ ngày ký ban hành đến 08/3/2029.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Chí Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Trung tâm CNTT&HN - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong mỏ, được thu gom bằng nhà vệ sinh di động, định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom (hút) đi xử lý, không thải ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường mỏ và đường vận chuyển, lưu lượng xả thải lớn nhất 359,2m³/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa xe, lưu lượng xả thải lớn nhất 7,6m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại hồ thu nước.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực thuộc phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực thuộc phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh.

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X(m)=2339624; Y(m)=597496

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 366,8 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hồ thu nước tự chảy tràn ra mương thoát nước khu vực, thuộc phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; giá trị C_{max} tương ứng K_q=0,9; K_f=1,1, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5÷9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại mỏ được thu gom bằng nhà vệ sinh di động; định kỳ thuê đơn vị chức năng thu gom (hút) đi xử lý, không thải ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn từ bề mặt khai trường và tuyến đường vận chuyển theo các rãnh thoát nước hai bên đường vận chuyển kích thước 0,8×0,4×0,4m dài 304m tự chảy về hố thu nước.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe tự chảy trực tiếp về bể lắng nước rửa xe, nước thải sau lắng theo đường ống PVC D110 chiều dài khoảng 5m tự chảy về hố thu nước.

- Nước mưa chảy tràn từ hố thu theo độ dốc của địa hình thoát vào rãnh thoát nước ven đường vận chuyển ngoài mỏ sau đó chảy vào hệ thống mương thoát nước của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

** Bể lắng nước rửa xe*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải rửa xe → Bể lắng nước rửa xe → Đường ống thu gom → Hố thu nước.

+ Thông số kỹ thuật: Bể lắng kích thước 3m×2m×1m, kết cấu bể: Móng BTCT, tường xây gạch, nắp bể bằng tấm đan BTCT, ngăn 2 bể bố trí vải bẫy dầu. Đường ống thu gom sau bể lắng: PVC D110 chiều dài khoảng 5m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

** Hố thu nước*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:
- + Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước ven đường vận chuyển → Hồ thu nước.
- + Nước thải rửa xe → Bể lắng nước rửa xe → Đường ống thu gom → Hồ thu nước.
- Thông số kỹ thuật: Hồ thu nước dung tích 1.720m³ nằm tại phía Tây Nam khu mỏ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp phòng ngừa:

- + Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường để nhanh chóng phát hiện sự cố và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- + Thường xuyên nạo vét hồ thu nước, bể lắng để đảm bảo khi có sự cố xảy ra lượng bùn tràn ra ngoài với số lượng ít, không gây hậu quả nghiêm trọng.
- + Thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết để chủ động lên phương án ứng trực và huy động lực lượng xử lý khi có nguy cơ sự cố.
- + Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị, vật tư, phương tiện, máy móc để huy động kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp ứng phó:

Trường hợp xảy ra sự cố đối với công trình xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải dừng ngay việc xả nước thải và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án

3.3. Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 1: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác khoáng sản (máy xúc, máy gặt).
- Nguồn 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của phương tiện vận chuyển trên khai trường khai thác.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Không xác định do các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ 3-6 tháng/lần các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Hạn chế sử dụng các máy móc có độ ồn cao vào ban đêm.
- Duy trì tối đa diện tích cây xanh xung quanh khu vực dự án đầu tư.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Dạng tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Dầu động cơ tổng hợp thải	Lỏng	45	17 02 03
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2,0	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	20	19 06 01
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc dính thành phần nguy hại (vải lọc dầu, giẻ lau dính dầu,...)	Rắn	24	18 02 01
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2	18 01 03
6	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	Rắn	3	18 01 04
Tổng			96	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Dạng tồn tại	Khối lượng (tấn/năm)	Mã chất thải
1	Sinh khối thực vật	Rắn	62,1	-
2	Đất bóc phủ bề mặt	Rắn	18.287,36	-
3	Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bóc, vận chuyển	Rắn	14.300	-
Tổng			32.649,46	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 600kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 4 thùng nhựa dung tích từ 20-120 lít có nắp đậy để chứa chất thải nguy hại. Trên mỗi thùng ghi rõ tên, mã, dấu hiệu cảnh báo từng loại chất thải nguy hại.

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại:

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4m², chiều cao trung bình 3m, có mái che, xung quanh thưng tôn, nền bê tông chống thấm. Bên ngoài cửa được dán các biển báo, dấu hiệu cảnh báo và bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút theo quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn là sinh khối thực vật: các loại cây lấy gỗ được bán lại cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng; cỏ dại, cây bụi... được thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn là đất bóc phủ: năm khai thác thứ 1 (xây dựng cơ bản mở), tiến hành vận chuyển đất bóc phủ tập kết tại bãi chứa diện tích 900m² nằm ngoài khai trường khai thác trên diện tích đất thuê làm mặt bằng sân công nghiệp, bắt đầu từ năm khai thác thứ 2 đất phủ được tập kết tại bãi chứa tạm trong khai trường khai thác, bãi chứa tạm diện tích 1800m² (năm thứ 2,3) và diện tích 2.500m² (năm thứ 4,5) nằm bên trong khai trường khai thác để trồng cây xanh, san lấp hồ thu nước, san gạt mặt bằng trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường.

- Chất thải rắn là đất, đá rơi vãi trong quá trình khai thác được thu gom vận chuyển cùng sản phẩm đất đá khai thác đến nơi tiêu thụ

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: 01 thùng nhựa dung tích 60 lít, có nắp đậy đặt tại khu vực nhà điều hành.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom 1 ngày/lần.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện

- Diện tích cải tạo, phục hồi môi trường: 99.232 m² (trong đó diện tích khai thác 94.680m²; diện tích thuê đất làm đường vận chuyển ngoài mỏ 4.552 m²).

- Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường và khối lượng công việc thực hiện theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 15/11/2023, cụ thể:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo báo cáo ĐTM	Theo GPMT
I	Đối với khai trường khai thác			
1	San lấp hố thu nước			
-	Xúc bốc đất san lấp	m ³	880	880
-	Vận chuyển đất màu từ bãi chứa về hố thu	m ³	464,58	464,58
-	Lu lèn đảm bảo K90	m ³	880	880
2	San gạt mặt bằng khai trường khai thác			
-	Xúc bốc đất phủ từ bãi chứa sân công nghiệp lên ô tô vận chuyển	m ³	3.408,5	3.408,5
-	Vận chuyển đất phủ từ bãi chứa sân công nghiệp về khai trường khai thác	m ³	3.408,5	3.408,5
-	San gạt mặt bằng	m ³	17.108,55	17.108,55
3	Trồng và chăm sóc cây xanh	cây	15.386	15.386
-	Xúc bốc, vận chuyển đất màu	m ³	415,42	415,42
II	Đối với sân công nghiệp và khu vực phụ trợ			
1	Phá dỡ lán điều hành tạm, bể lắng nước thải rửa xe			
-	Phá dỡ móng	m ³	0,58	0,58
-	Phá dỡ kết cấu thép	tấn	0,7	0,7
-	Phá dỡ mái tôn	m ²	51,3	51,3
-	Phá dỡ thành bể	m ³	1,1	1,1
-	Phá dỡ đáy bể	m ³	0,66	0,66
2	San gạt lại mặt bằng	m ³	284,4	284,4
3	Trồng cây xanh	cây	154	154
-	Xúc bốc đất màu	m ³	4,16	4,16

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo báo cáo ĐTM	Theo GPMT
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường			
-	San gạt lại mặt đường	m ³	820,8	820,8
-	Lu lèn mặt đường	m ²	2.736	2.736
5	Cải tạo hồ thu nước phía Tây Nam mở			
-	Lắp dựng hàng rào lưới thép B40	m ²	141,12	141,12
-	Lắp đặt biển báo nguy hiểm	cái	01	01

2. Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường

Tiến độ thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Dự kiến từ tháng 02/2028 đến tháng 01/2029, cụ thể:

STT	Hạng mục	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan giám sát	Đơn vị thực hiện
I	Đối với khai trường khai thác			Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Chí Linh, phòng Quản lý môi trường – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương	Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong
1	San lấp hồ thu nước phía Bắc mở	2/2028	3/2028		
-	Xúc bốc đất san lấp				
-	Vận chuyển đất thừa từ quá trình đào hồ để san lấp				
-	Lu lèn đầm chặt K90				
2	San gạt lại mặt bằng khai trường khai thác	3/2028	4/2028		
-	Xúc bốc đất màu từ bãi chứa lên ô tô vận chuyển				
-	Vận chuyển đất phủ từ bãi chứa về khai trường				
-	San gạt lại mặt bằng khai trường khai thác				
3	Trồng và chăm sóc cây xanh	4/2028	10/2028		
-	Xúc bốc đất màu từ bãi chứa lên xe vận chuyển				
-	Vận chuyển đất màu từ bãi chứa về khai trường khu vực trồng cây				
-	Trồng và chăm sóc cây xanh				
II	Đối với sân công nghiệp và khu vực phụ trợ				
1	Cải tạo hồ thu nước phía Tây Nam	2/2028	2/2028		
-	Lắp dựng hàng rào thép B40				
-	Lắp đặt biển báo tại khu vực hồ thu nước phía Tây Nam dự án				

STT	Hạng mục	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan giám sát	Đơn vị thực hiện
2	Phá dỡ nhà điều hành lán tạm + bể lắng nước rửa xe	10/2028	10/2028		
-	Phá dỡ móng lán nhà tạm				
-	Phá dỡ mái tôn lán nhà tạm				
-	Phá dỡ kết cấu thép lán nhà tạm				
-	Phá dỡ móng bể lắng nước rửa xe				
-	Phá dỡ thành bể lắng nước rửa xe				
3	Vận chuyển chất thải	10/2028	10/2028		
-	Vận chuyển 1km đầu				
-	Vận chuyển 2km tiếp theo				
4	San gạt lại mặt bằng	10/2028	10/2028		
5	Xúc bốc đất màu phục vụ trồng cây xanh (từ bãi chứa)	10/2028	12/2028		
6	Trồng cây xanh				
7	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường	12/2028	1/2029		
7.1	San gạt lại mặt đường				
7.2	Lu lèn mặt đường				

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của dự án: 1.366.203.078 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm linh ba nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng*).

- Phương thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ nhiều lần.

- Công ty đã nộp tổng số tiền ký quỹ là 874.619.982 đồng (thực hiện theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 22/01/2014 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất đồi tại khu vực phía Bắc đồi Ông Sao, phường Hoàng Tân, thị xã Chí Linh của Công ty Cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong).

- Số tiền công ty phải nộp bổ sung là 491.583.096 đồng. Số tiền phải nộp ký quỹ năm thứ 4 là 235.420.019 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*), số tiền ký quỹ phải nộp năm thứ 5 là 256.163.077 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*).

- Thời gian nộp tiền ký quỹ hàng năm thực hiện trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 bố trí và vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật có liên quan.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.